

Học và Hành thời Việt Nam Cộng Hoà

Đặng Vũ Nhuế

1954: nước Việt Nam chia đôi, miền Nam cộng hoà, miền Bắc cộng sản. Việc học hành ở miền Nam trong 20 năm 1954-75 tiến rất nhanh. Những con số đích xác về người đi học ở miền Nam trong giai đoạn này hiện nay chưa kiểm ra được, nhưng dù sao cũng có thể tả tình trạng như sau:

Tiểu Học và Trung Học

- So với thời Pháp thuộc, thanh thiếu niên nam nữ đi học nay rất đông. Giờ tan học, học sinh nam nữ đi đầy đường. Tại nhiều trường, học sinh mặc đồng phục, nam quần màu xanh lam thẫm, áo sơ mi trắng, trên ngực thêu tên trường; nữ quần trắng áo xanh lơ hay quần trắng áo trắng, đầu đội nón lá, tóc xoã ngang lưng, kẻ đi xe đạp, người đi bộ về nhà.

- Tự nhân, các tổ chức tôn-giáo cũng có quyền mở trường học. Cha mẹ được tự do chọn trường học cho con. Giáo dục không phải là độc quyền của nhà nước.

- Hầu hết các trường học đều có hai khoá học, khoá buổi sáng và khoá buổi chiều, trường công cũng như trường tư. Thời Pháp thuộc mỗi trường chỉ có một khoá, nước nghèo mà áp dụng phương pháp như nước giàu: mỗi ngày học trò sáng chiều phải đến trường hai buổi, tốn công tốn thời giờ di chuyển, mà ngôi nhà trường chỉ dùng có 5 giờ mỗi ngày, 3 giờ buổi sáng và 2 giờ buổi chiều, ngoài ra bỏ không, thật là phí của. Phải chăng là vì các giáo chức người Pháp muốn ngủ trưa, bởi khí hậu thuộc-địa nóng bức?

- Mỗi lớp có tới 50-60 học sinh, chật ních. Thời Pháp thuộc, mỗi lớp chỉ có 35-40 học sinh là nhiều, "vì nếu đông hơn, thầy dạy sẽ không theo dõi từng học sinh một được, học sinh sẽ thiệt". Đúng hay không? Tại Pháp, vào những năm 1960, mỗi lớp tiểu học có 35 học sinh, ngày nay chỉ có 25 học sinh. Mặc vậy, xong tiểu học, lên trung học, 6 học sinh thì 1 lăm bắm

đánh vắn từng chữ một, đọc không thông. Hơn nữa, nhiều học sinh tuy đọc được nhưng đọc xong không hiểu bài văn nói gì (1). Trình độ học vấn ở cấp trung học hay tiểu học ở Mỹ cũng tương tự, tuy các trường học Mỹ rất to, các phòng học rộng rãi, học cụ thừa thãi. Không phải cứ có nhiều giáo chức và có trường học to và đẹp là học trò sẽ giỏi: Chí hiếu học của giới trẻ, lời khuyên răn của gia đình học sinh và công tâm của giáo chức quan trọng hơn những thước vuông của học đường. Khác với xã hội Mỹ, xã hội Việt Nam bất kể giàu nghèo đều vẫn trọng sự học.

- Dù rằng có nhiều sự tráo lộn bởi chiến-tranh, các giáo chức dưới chế độ cộng-hoà đều nói rằng học trò vẫn trọng thầy trọng cô như ngày xưa, các truyền-thống cũ vẫn được giữ. Có một vị giáo sư Việt-văn kể rằng một hôm có một phụ huynh học sinh, đã trọng tuổi, đến trường gặp giáo sư để ngỏ lời cảm ơn, vì đã nhờ giáo sư mà con cụ không những được trau dồi kiến thức, mà còn được giáo dục về đời sống đạo đức và tình cảm...

Cao Học Đại Học

- Sau 12 năm tiểu học và trung học, thanh niên nam nữ có nhiều trường để theo đuổi việc học. Đại học đã được mở mang tại nhiều nơi: Huế, Sài-gòn, Đà lạt, Cần-thơ. Có đại học công nhưng cũng có đại học tư, của Phật-giáo (Đại Học Vạn-Hạnh), của Công-giáo (Đại Học Minh-Đức) Thêm vào đây có các trường cao đẳng kỹ thuật như Bách Khoa Phú Thọ đào tạo kỹ sư, trường Nông Lâm Súc, Viện (sau đổi là Đại học) Quốc-Gia Hành Chánh, Đại Học Sư Phạm...(2) Ngoài ra, ở 3 thành-phố: Đà Nẵng, Nha Trang và Mỹ Tho còn có những đại học nhỏ, học 2 hay 3 năm (tương đương với Collège Universitaire của Pháp hay Junior College của Mỹ).

- Có những đại học hạn chế số sinh viên được nhập học mỗi năm, muốn được vào học phải qua cầu thi tuyển, tỷ dụ: Bách Khoa, Hành Chánh, Sư Phạm, Nông Lâm và Y, Nha, và Dược. Dược-khoa tuyển 200 sinh viên mỗi năm, 3200-3500 người dự thí, 200 người được tuyển. Y- khoa Sài Gòn mỗi năm tuyển khoảng 300 người, Huế khoảng 50 người, Minh-Đức bao nhiêu người không biết rõ. Đại học Sư Phạm, mở ra năm 1960 thay thế trường Cao Đẳng Sư Phạm thời Pháp thuộc, có 8 khoa : Việt-Hán, Anh-văn, Pháp-văn, Sử-địa, Triết-lý, Toán, Vật-lý, Hoá, Vạn-vật, lúc đầu tuyển 30 người mỗi khoa, dần dần tăng thêm.

- Tổng cộng năm học 1974-75 có bao nhiêu sinh viên ở Việt Nam Cộng Hoà thì không biết. Theo cuốn sách Anh-ngữ "Education in Việt Nam" (Giáo Dục ở VN) xuất bản ở Hà Nội năm 1991, cộng cả người vừa đi học vừa đi làm, miền Nam có tới 116.000 sinh-viên, gấp gần 50 lần số sinh viên vào đầu năm 1938, thời Pháp thuộc, là 2.400 người kể cả những người học các trường cao đẳng các cấp.

- Không phải học tiếng Pháp, thanh niên xong trung học sớm hơn xưa. Cũng vì vậy, nữ sinh viên nay có rất nhiều: xong tú tài, tuổi mới chùng 18-19, xong 3 năm cử nhân tuổi chỉ khoảng 21-22, muốn lập gia đình cũng chưa muộn. Sau nữa, dân Việt Nam ta tân tiến, không như người Tàu ở Tân-gia-ba, cô nào học cao quá dễ ể chồng vì gia-đình nhà trai họ sợ, không dám hỏi cho con! Ở Việt Nam Cộng Hoà, tỷ lệ giới nữ khoảng 50-60 phần trăm ở Đại Học Dược Khoa hay Đại Học Sư Phạm, 15-20% tại Y Khoa, cao hơn một ít ở Nha Khoa. Tại các Đại học Luật và Văn-chương sinh viên giới nữ cũng có rất nhiều.

- Vào những đại học Luật, Văn-chương, Khoa-học không phải thi tuyển, nhưng sinh viên sẽ bị loại khi thi lên lớp cuối năm. Nhiều sinh-viên vừa đi học vừa đi làm, nhất là trong các môn khoa học và văn-chương, văn bằng là các chứng chỉ, dần dần đủ số chứng chỉ được bằng cử nhân (Đại học Cần-thơ không áp dụng hệ

thống chứng chỉ, mà dùng hệ thống tín chỉ - "credit"- theo lối Mỹ.

- Có bằng tốt nghiệp trung học cấp hai (bằng tú tài) và miễn là thi tuyển đậu khi có thi tuyển, ai cũng có quyền vào đại học, bất kể tông-tích



Trong giờ thực tập xưởng (theo website AHCC – khoá 7)

mẹ cha. Học đều miễn phí, cha mẹ thuộc giới bình dân cũng có con theo đại học, sau này thành y khoa bác-sĩ, kỹ-sư, giáo-sư.

- Sau năm 1954, ảnh-hưởng Mỹ chen vào với ảnh-hưởng Pháp ở Việt Nam Cộng Hoà. Đại đa số giáo -sư đại học là người tốt nghiệp ở đại học Pháp ra, nhưng sách giáo khoa của Pháp rất đắt tiền, trái lại sách học Mỹ rẻ hơn nhiều, Mỹ in ra để bán ở Đài-loan, Nam-hàn, Nhật-bản, bán rất rẻ, mà nội dung lẽ tất nhiên rất tối tân, nhất là trong các môn khoa học kỹ thuật. Nhiều giáo sư đại học miền Nam dùng sách Mỹ, mặc dù có bằng "Tiến-sĩ Nhà Nước" ở đại học Pháp. Các giáo sư đều giảng bài bằng tiếng Việt, nghĩa là tiếng Việt Nam nay đã có đủ danh từ cần dùng trong mọi môn học.

- Thời kỳ Âu-Mỹ-Việt-học này có thể gọi là thời kỳ "duy-tâm duy-trí kiêm duy-thủ": đạo-đức vẫn coi là cần thiết, trình độ học-vấn cao, mà các chương trình thường thiết thực hơn thời Pháp thuộc nhiều.

- Lễ tất-nhiên, đây là tùy trường hợp và tùy cá tính của mỗi giáo sư. Có người gặp một vị giáo sư kinh-tế học ở Sài Gòn, vui câu chuyện nói về kinh-tế nước Việt Nam, hỏi vị ấy năng-

suất ruộng lúa ở đồng bằng sông Cửu-Long là bao nhiêu tạ thóc mỗi mẫu mỗi mùa, vị ấy không biết; hỏi mỗi tạ thóc xay giã ra được bao nhiêu cân gạo, cũng không biết. Dần dần mới hiểu rằng vị ấy chỉ dậy lại những điều đã học khi ở Pháp vào đầu thập niên 1950, dậy lại những lý thuyết trình bày trong sách giáo khoa Pháp thời ấy (sách Mỹ, tỷ-dụ cuốn sách giáo-khoa Economics của P.Samuelson hồi 1952 còn đang được dịch ra tiếng Pháp, chưa in, mà sinh-viên ở Pháp thời ấy ít khi thông thạo Anh-ngữ). Từ khi hồi hương, mãi mê nhiều việc, có vẻ cũng không đọc thêm nhiều lắm, ít khi tìm tòi, ra công nhận xét sự-kiện cụ-thể trong nước hay tại các nước láng giềng ở Viễn-Đông. Đó là do tình trạng trong nước, nhưng có thể cũng là một đặc-điểm của các đại học Pháp cách nay ba, bốn-mươi năm chẳng? Tại Pháp, chương trình dạy ở các trường thương mại (HEC, ESSEC, ESCAE...), do các Phòng Thương-mại và Kỹ-nghệ lập ra, cụ thể và thiết thực hơn là ở các Đại học Luật và Kinh-Tế, chuyên về lý thuyết nhiều hơn, đôi khi cho là cao cả hơn vì phát bằng tiến-sĩ (3).

- Trong hai-mươi năm độc-lập, giáo sư Việt Nam đi thăm các đại-học ngoại quốc rất nhiều, sinh-viên du học ở Âu Mỹ cũng rất đông, ở nơi có kỹ-thuật tối-tân, văn-hoá phong phú, tôn trọng nhân-phẩm nhân-quyền. Đạt được bằng cấp đã vậy, nhưng lại có dịp nhận xét, suy nghĩ, so sánh. Hơn nữa, nhiều người được dịp đi làm hay tập nghiệp, tham dự vào đời sống cụ thể của nước lạ. Nghĩa là đã đạt được một cái vốn lớn, là sự thông hiểu các guồng máy tài-chính, kinh-tế, quản-lý doanh nghiệp của những nước tân tiến vào cuối thế kỷ thứ hai-mươi. Những kinh-nghiệm ấy, thế hệ trước dù có du học cũng không có được: đạt được mảnh bằng thì xuống tàu thuỷ về nước ngay, ngoài ra không biết gì thêm.

Học Xong Hành Nghề ở Việt Nam Cộng Hòa

Tốt nghiệp ra trường, sau thời gian đi lính, ai cũng có công ăn việc làm. Không làm công chức hay giúp việc tại một doanh nghiệp kỹ nghệ, thương mại tài chính tư nào đó, thì chính mình ra sức kinh doanh, lập doanh nghiệp riêng



Thực tập địa hình
(website AHCC khoá 7)

của mình. Học không phải là để làm công chức tháng tháng ăn lương nhà nước sáng cắp ô đi tối cắp về. Học để biết nhận xét và suy nghĩ, để làm việc cho có quy mô, để có thể tự mình đảm nhận trách nhiệm cuộc đời mình, đời của một người biết cư xử đối với người khác, khôn nhưng mà ngoan, có trí nhưng cũng có đức.

Xã hội Việt Nam Cộng Hoà đang được xây dựng, nếu được an ninh có thể chẳng mấy lúc cũng cùng sánh bước với các xã-hội Khổng-giáo, Thiên-Chúa-giáo, Phật-giáo hay Hồi-giáo ở Đông-Á, như Đài loan, Nam hàn, Nam dương, Thái lan, Mã lai v.v.

Sự đã qua rồi. Giờ ta thử nhìn xem học và hành trong Việt Nam Xã Hội Chủ nghĩa ra sao, độc-lập nhưng đã theo một đường lối khác, đường lối "Duy Thủ" của những người giờ bàn tay nắm lại thành quả đấm khi chào nhau.

Chú Thích

(1) Mù chữ và không có chữ ở nước Pháp: "Mù chữ" (tiếng Pháp: *analphabétisme*) là chưa bao giờ biết viết biết đọc. Theo thống-kê của Bộ

Quốc Phòng Pháp, vào năm 1989, có 430.000 (bốn trăm ba-mươi ngàn) thanh niên Pháp (giới nam) đến tuổi đi lính, phải trình diện để khám sức khoẻ và kiểm soát trình-độ kiến-thức, học lực. Trong số 430 nghìn người ấy, có 989 người (0.23%) hoàn toàn "mù chữ", tuy luật cưỡng bách giáo dục ở Pháp đã có từ hơn một thế kỷ (1881), và cưỡng bách giáo dục cho đến năm 16 tuổi, từ năm 1959, cách đây 30 năm. "Không có chữ" (Illettrisme) là đọc không thông, phải bập bẹ đánh vần từng chữ một, tuy cũng biết các mặt chữ và biết đánh vần. Trong số 430 nghìn người nói trên, 7 phần trăm (29.971 người, gọi tròn 30 nghìn người) thuộc vào loại "không có chữ". Hơn thế nữa, trong số người còn lại, có 70 nghìn người thì khi được đưa cho đọc một đoạn văn dài 70 chữ (70 từ), đọc được, nhưng đọc xong không hiểu bài văn nói gì, tuy đề tài chỉ là những việc thông thường trong đời sống hàng ngày (Nguồn: Hội Đồng Kinh-Tế Xã Hội, Conseil Economique et Social, Tường trình đề ngày 24-6-1992, trang 132). Những người nói trên đây là người có quốc-tịch Pháp, ngoại trừ người sống trên lãnh thổ Pháp mà không có quốc-tịch Pháp không phải đi lính, và là người giới nam. Giới nữ lúc đi học thường siêng năng hơn giới nam. Sau nữa, khôn sớm hơn.

(2) Danh sách các trường cao đẳng và đại học thời Pháp thuộc và ở miền Nam cộng hoà có được kê trong "Khoa Cử và Giáo Dục Việt Nam", tác giả: Nguyễn Quốc Thắng, Sài Gòn 1993, sđd.

(3) Tú tài, cử nhân, bác-sĩ, tiến-sĩ: Thời Hán học, ta có những người đậu tiến-sĩ, phó-bảng, cử-nhân, tú-tài, tên được truyền lô đọc lên sau các khoa thi đình thi hương. Người đậu được cử ra làm quan. Khi người Pháp cai trị Việt Nam, đổi Hán học sang Tây học, các danh từ khoa bảng cũ vẫn được dùng để chỉ bằng cấp Tây học tuy nội dung sự học hoàn toàn khác, một phần vì danh hiệu khoa bảng thời Hán học được dân trọng, một phần vì cũng có sự tương đương trong các liên-hệ giữa chức-vụ và bằng cấp:

- Baccalauréat gọi là tú tài, vì có bằng Baccalauréat có thể được bổ làm công chức hạng B của Pháp. Công chức hạng B không có

nhiệm vụ "cầu tứ", nghĩ đặt mưu mô giải quyết khó khăn, chỉ là người thi hành chỉ thị của kẻ trên, cũng như thời Hán học, tú tài không được bổ ra làm quan, chỉ được giữ chức nhỏ.

- Licencié gọi là cử nhân, vì có bằng licence en droit chẳng hạn (cử nhân luật) có thể được tuyển làm công chức hạng A của Pháp, có quyền cầu tứ tả trên, cũng như cử nhân Hán học được bổ ra làm quan. Cử nhân văn chương hay khoa học được tuyển làm giáo sư trung học cấp nhất, có khi dạy cả cấp hai (thi tú tài) tại các trường Pháp, cũng như cử nhân Hán học được bổ làm Huân đạo, một chức học quan tại các huyện ly phủ lý.

- Docteur gọi là tiến-sĩ, vì thời Pháp thuộc, người đậu Docteur en Droit (du học ở Pháp về, vì Đại Học Luật Hà Nội mãi sau mới phát bằng này) nếu đi làm quan được ngay chức tri phủ, như thời Hán học vậy.

- Docteur en Médecine, en Pharmacie, gọi là bác-sĩ Y khoa, Dược Khoa, không gọi là tiến-sĩ tại không được bổ ra làm quan cai trị dân., tuy theo dụ triều đình Huế, về làng cũng được ăn khao như tiến-sĩ Hán-học, và ăn cỗ ở đình làng ngôi cùng chiếu với tiến-sĩ Hán học.

- Agrégé gọi là thạc-sĩ, tuy Việt Nam và Tàu xưa không có thi thạc-sĩ. Thạc-sĩ và bác-sĩ Hán học là phẩm tước ban cho người nhiều chữ biết rộng. Năm 1934, có ô.Phạm Duy Khiêm là người Việt Nam đậu bằng "agrégation" tức đậu thi tuyển được lấy làm giáo sư trung học cấp hai của người Pháp, Nha Học Chính Đông Dương phân vân, rồi gọi ông ấy là thạc-sĩ. Người Pháp có thạc-sĩ dạy trung học và thạc-sĩ Luật, Y và Dược, dạy đại học. Ngày nay, thạc sĩ là Master Bac + 5.

- Danh từ phó-tiến-sĩ là do Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa đặt ra. VN Cộng Hoà và Pháp-quốc không có danh từ ấy. VNXHCN ngày nay lại dùng danh từ "thạc sĩ" để chỉ những người tốt nghiệp sau 5 năm đại học, tức có bằng "master" của Hoa Kỳ hay bằng "maitrise" của Pháp. Bằng cấp ở VNXHCN có hai nhiệm vụ: có thể chỉ bậc giáo chức, nhưng cũng có thể chỉ bậc "phẩm hàm".